

towards preparation for NABL. World J Methodol. 2018; 8:44-50.

7. **Zhao HJ, Zhang TJ, Zeng J, Hu CH, Ma R, Zhang CB.** Investigation and analysis of hemoglobin A1c measurement systems' performance for 135 laboratories in China. Chin

Med J (Engl). 2017;130:1079-1084.

8. **Bingfei Zhou1, 2. |. (2019).** Practical application of Six Sigma management in analytical biochemistry processes in clinical settings. 2.
9. **Westgard JO.** Statistical Quality Control Procedures. Clin Lab Med. 2013 Mar 1;33(1):111-24.

KHẢO SÁT TƯƠNG TÁC THUỐC TRONG ĐƠN THUỐC CỦA NGƯỜI BỆNH ĐẾN KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ TẠI BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH NĂM 2021

Lê Phương Thảo¹, Thạch Thị Bô Pha¹, Trần Thị Thanh Tuyền¹

TÓM TẮT

Khảo sát cắt ngang mô tả, hồi cứu trên 1.652 đơn thuốc ngoại trú tại Bệnh viện Trường Đại học Trà Vinh năm 2021, người bệnh là nữ chiếm 56,96%, nam là 43,04%. Nhóm tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là 15 – 59 tuổi chiếm 54,66%. Bệnh lý của người bệnh đến khám khá đa dạng, chương bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là bệnh tuần hoàn 21,82%, và chương bệnh tiêu hoá 21,09%. Số thuốc trung bình mỗi đơn là 4,30. Tỷ lệ sử dụng nhóm thuốc tuần hoàn cao nhất, chiếm 16,09%, tiếp theo là thuốc trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn, kháng virus, kháng nấm và thuốc đường tiêu hoá là 12,30% và 11,67%. Hoạt chất có tỷ lệ sử dụng nhiều nhất là paracetamol 8,40%, tiếp theo là omeprazol và metformin chiếm tỷ lệ 5,07% và 4,91%. Tra cứu tương tác thuốc qua 3 cơ sở dữ liệu cho các kết quả tỷ lệ tương tác khác nhau. Trang www.drugs.com phát hiện 49,09% đơn có tương tác, trang www.medscape.com phát hiện 43,64% và sách tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định của Bộ Y tế phát hiện 22,09%. Trang www.drugs.com, tỷ lệ tương tác là 49,09%. Theo www.medscape.com, tỷ lệ đơn có tương tác là 43,64%. Tra cứu tương tác thuốc qua sách tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định phát hiện 22,09% đơn thuốc có tương tác thuốc.

Từ khóa: tình hình sử dụng thuốc, tương tác thuốc, Trường Đại học Trà Vinh

SUMMARY

SURVEY OF DRUG INTERACTIONS IN PRECAUTIONS OF PATIENTS COME FOR OUTCOME EXAMINATION AND TREATMENT AT TRA VINH UNIVERSITY HOSPITAL IN 2021

A descriptive, retrospective cross-sectional survey on 1,652 outpatient prescriptions at Tra Vinh University Hospital in 2021, female patients accounted for 56.96%, male patients was 43.04%. The age group accounting for the highest percentage is 15-59 years old, accounting for 54.66%. The pathology of

the patients coming to the examination is quite diverse, the chapter with the highest rate is circulatory disease 21.82%, and the digestive disease chapter 21.09%. The average number of drugs per prescription is 4.30. The rate of using circulating drugs was the highest, accounting for 16.09%, followed by antiparasitic, anti-infective, antiviral, antifungal and gastrointestinal drugs at 12.30% and 11.67% respectively. The active ingredient with the highest rate of use was paracetamol 8.40%, followed by omeprazol and metformin at 5.07% and 4.91%. Look up drug interactions across 3 databases for different interaction rate results. The website www.drugs.com detected 49.09% of prescriptions with interactions, the website www.medscape.com detected 43.64% and the drug interaction and attention book when ordered by the Ministry of Health detected 22.09%. On www.drugs.com, the interaction rate is 49.09%. According to www.medscape.com, the rate of single interaction is 43.64%. Looking up drug interactions through drug interaction books and paying attention when indicated, 22.09% of prescriptions had drug interactions.

Keywords: drug use situation, drug interactions, Tra Vinh University

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam đang trên con đường triển khai công tác dược lâm sàng bệnh viện theo Nghị định 131/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 02/11/2020 [1]. Trong các vấn đề đang triển khai của dược lâm sàng, việc phát hiện và hạn chế tương tác thuốc bất lợi được triển khai rộng rãi trong kê đơn. Tương tác thuốc xuất hiện trong đơn thuốc là một trong những yếu tố quan trọng có thể dẫn đến thất bại trong điều trị, kéo dài thời gian điều trị, làm tăng chi phí y tế đồng thời làm tăng khả năng xuất hiện các phản ứng có hại [4]. Tuy nhiên, tương tác thuốc không phải lúc nào cũng gây hậu quả. Trên lâm sàng có nhiều trường hợp bác sĩ chủ động phối hợp những cặp thuốc có tương tác thuốc với nhau để có hiệu quả điều trị cao nhất và giảm thiểu tác dụng phụ hoặc một số trường hợp vẫn phải kết hợp thuốc sau khi đã thận trọng cân nhắc giữa

¹Trường Đại Học Trà Vinh

Chịu trách nhiệm chính: Trần Thị Thanh Tuyền

Email: thanhtuyen26435@gmail.com

Ngày nhận bài: 14.6.2022

Ngày phản biện khoa học: 11.8.2022

Ngày duyệt bài: 15.8.2022

lợi ích và nguy cơ [3], [7]. Bệnh viện Trường Đại học Trà Vinh (ĐHTV) có mô hình bệnh tật đa dạng, lượng thuốc tiêu thụ tương đối lớn. Hiện tại, bệnh viện đang chú trọng việc phát triển công tác dược lâm sàng nhằm góp phần đảm bảo việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả. Xuất phát từ thực tế nêu trên, đề tài: "Khảo sát tương tác thuốc trong đơn thuốc của người bệnh đến khám và điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Trường Đại học Trà Vinh năm 2021" được thực hiện với các mục tiêu:

1. Khảo sát tỷ lệ sử dụng thuốc của người bệnh đến khám và điều trị ngoại trú.
2. Khảo sát tương tác thuốc xuất hiện trong đơn thuốc của người bệnh đến khám và điều trị ngoại trú.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Đơn thuốc của người bệnh điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Trường ĐHTV từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Đơn thuốc của người bệnh điều trị ngoại trú lưu trữ trên phần mềm quản lý của Bệnh viện Trường ĐHTV trong thời gian từ 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021.

Tiêu chuẩn loại trừ:

- + Đơn thuốc có số thuốc < 2 thuốc;
- + Đơn thuốc có chẩn đoán u ác tính, theo dõi u ác tính và HIV/AIDS.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Bảng 2.1 Số liệu đơn thuốc khảo sát và đơn thuốc thỏa điều kiện lấy mẫu

Cụm Tháng	Số đơn thuốc	Số đơn thuốc thỏa điều kiện	Tỷ lệ % đơn thuốc thỏa điều kiện	Số đơn thuốc được chọn vào mẫu nghiên cứu
1 + 2	19.878	18.157	19%	314
3 + 4	24.848	23.951	24%	396
5 + 6	19.611	18.835	19%	314
7 + 8	8.083	7.144	7%	116
9 + 10	15.142	13.326	14%	231
11 + 12	18.438	16.243	17%	281
Tổng Cộng	106.000	97.656	100%	1.652

Xử lý số liệu: Số liệu truy xuất và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel. Tra cứu tương tác thuốc dựa vào 3 cơ sở dữ liệu:

1. Phần mềm tra cứu trực tuyến Drug Interactions Checker của Drugsite Trust, địa chỉ truy cập tại www.drugs.com
2. Phần mềm tra cứu trực tuyến Multi- Drug Interactions Checker của Medscape, địa chỉ truy cập tại www.medscape.com
3. Sách tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định của tác giả Lê Ngọc Trọng, Đỗ Khánh Chiến, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội năm 2015.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả, hồi cứu qua hồ sơ bệnh án ngoại trú.

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức ước lượng một tỷ lệ:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}}$$

Trong đó: n: cỡ mẫu nghiên cứu.

$Z_{1-\alpha/2}$: hệ số tin cậy với $\alpha = 0,05$ (độ tin cậy 95%), $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$.

p: Tỷ lệ đơn thuốc xuất hiện tương tác thuốc. Theo đề tài Khảo sát tình hình sử dụng thuốc tại Phòng Khám Đa Khoa Trường Đại học Trà Vinh năm 2018 của tác giả Trần Thị Thanh Tuyên cho kết quả tỷ lệ đơn thuốc xuất hiện tương tác thuốc là 19,40% [7]. Do đó, chọn $p = 0,194$.

d: là sai số tối đa của ước lượng. Chọn d khoảng 2% ($d = 0,02$). Thế vào công thức tính cỡ mẫu từ đó tính được:

$$n = \frac{0,194(1-0,194)}{0,02^2} = 1.502$$

Cộng thêm 10% mất mẫu, nên cỡ mẫu nghiên cứu này là 1.652.

Phương pháp thụ mẫu:

Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn theo số lượng từng cụm tháng đã trình bày tại bảng 2.1.

Tổng số đơn thuốc qua khảo sát là 106.000 đơn thuốc. Đơn thuốc thỏa điều kiện lấy mẫu là 97.656 đơn thuốc.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu. Trong số 1.652 mẫu nghiên cứu được thu thập, nhóm người bệnh là nữ chiếm 56,96%, vượt trội so với giới nam là 43,04%. Nhóm tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là từ 15 đến 59 tuổi chiếm 54,66% trong đó người bệnh là nữ (30,87%) chiếm tỷ lệ cao hơn người bệnh nam (23,79%), tiếp theo nhóm tuổi từ 60 tuổi trở lên với tỷ lệ chiếm 41,89% và nhóm tuổi dưới 15 tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất, chỉ chiếm 3,45%.

Bệnh lý của người bệnh đến khám tại Bệnh viện Trường ĐHTV khá đa dạng. Chương bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là bệnh tuần hoàn 21,82%, và chương bệnh tiêu hoá 21,09%. Chương bệnh có tần suất xuất hiện tiếp theo là bệnh nội tiết-dinh dưỡng-chuyển hoá, bệnh cơ-xương-khớp-mô liên kết và bệnh về thần kinh với tỷ lệ lần lượt là 14,75%, 13,04% và 7,62%.

Số thuốc trung bình trong đơn thuốc là 4,30. Bệnh viện đa dạng về mô hình bệnh tật dẫn đến có nhiều loại thuốc được sử dụng, kết quả thống kê 05 nhóm thuốc được sử dụng nhiều nhất được trình bày tại bảng 3.1.

Bảng 3.1 Kết quả 05 nhóm thuốc sử dụng nhiều nhất

Nhóm thuốc	Lượt hoạt chất được kê	Tỷ lệ
Thuốc tim mạch	51	16,09%
Thuốc trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn, kháng virus, kháng nấm	39	12,30%
Thuốc đường tiêu hóa	37	11,67%
Vitamin và khoáng chất	31	9,78%
Giảm đau, hạ sốt, nhóm chống viêm không steroid, thuốc điều trị gout và các bệnh xương khớp.	29	9,15%

Trong số 317 hoạt chất được sử dụng, kết quả thống kê 10 hoạt chất được sử dụng nhiều nhất trình bày ở bảng 3.2.

Bảng 3.2 Kết quả 10 hoạt chất sử dụng nhiều nhất

Thuốc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Paracetamol	597	8,40%
Omeprazol	360	5,07%
Metformin	349	4,91%
Meloxicam	267	3,76%
Gliclazid	220	3,10%
Losartan	183	2,58%
Amlodipin	183	2,58%
Vitamin E	166	2,34%
Vitamin B1 + B6 + B12	113	1,59%
Methylprednisolon	100	1,41%

Thống kê sự phân bố số thuốc trong đơn thuốc được kết quả đơn thuốc có kê 2 thuốc chiếm 9,32%, đơn kê từ 3-5 thuốc chiếm đa số 70,45%, có 20,23% đơn thuốc kê từ 6-9 thuốc. Mẫu nghiên cứu không xuất hiện đơn từ 10 thuốc trở lên.

3.2 Khảo sát các tương tác xuất hiện trong đơn thuốc ngoại trú ngoại trú. Tỷ lệ đơn thuốc xảy ra tương tác

Kết quả tra cứu 1.652 đơn thuốc ngoại trú bằng 3 cơ sở dữ liệu: trang www.drugs.com phát hiện 49,09% đơn có tương tác, trang www.medscape.com phát hiện 43,64% và sách tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định của Bộ Y tế phát hiện 22,09%.

Số tương tác thuốc xuất hiện trong đơn cũng có sự khác nhau rõ rệt từ 3 cơ sở dữ liệu, kết quả cụ thể được trình bày ở bảng 3.3.

Bảng 3.3 Kết quả tương tác thuốc xuất hiện số trong đơn

Số tương tác được phát hiện trong đơn	DRUGS		MEDSCAPE		TT & CY	
	Số đơn	Tỷ lệ %	Số đơn	Tỷ lệ %	Số đơn	Tỷ lệ %
1 cặp tương tác	347	21,00	350	21,19	209	12,65
2 cặp tương tác	167	10,11	158	9,56	101	6,11
3 cặp tương tác	104	6,30	88	5,33	42	2,54
4 cặp tương tác	65	3,93	52	3,15	13	0,79
5 cặp tương tác	46	2,78	25	1,51	0	0
6 cặp tương tác	25	1,51	24	1,45	0	0
7 cặp tương tác	22	1,33	13	0,79	0	0
8 cặp tương tác	12	0,73	5	0,30	0	0
9 cặp tương tác	11	0,67	5	0,30	0	0
10 cặp tương tác	7	0,42	0	0	0	0
12 cặp tương tác	4	0,24	0	0	0	0
15 cặp tương tác	1	0,06	1	0,06	0	0
Tổng cộng	811	49,09	721	43,64	365	22,09

Tỷ lệ tương tác theo mức độ

Trong số 2.115 lượt cặp tương tác phát hiện bằng phần mềm tra cứu trực tuyến trên trang www.drugs.com, tỷ lệ tương tác mức độ nhẹ chiếm cao nhất 75,20%, tiếp theo là tương tác mức độ trung bình chiếm 16,54%, mức độ nặng

chiếm 8,27%.

Trong số 1.598 lượt cặp tương tác phát hiện bằng phần mềm tra cứu trực tuyến www.medscape.com có 386 cặp tương tác được ghi nhận, tỷ lệ tương tác mức độ significant (có ý nghĩa) chiếm cao nhất là 70,21%, tiếp đến là

mức độ minor (nhẹ) chiếm tỷ lệ 17,36% mức độ này thường không cần can thiệp vì ít ảnh hưởng đến quá trình điều trị của người bệnh. Mức độ serious (nặng) chiếm tỷ lệ 12,43%.

Tra cứu tương tác thuốc qua sách tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định phát hiện 589 lượt cặp tương tác thuốc phát hiện ở cơ sở dữ liệu này tương tác mức độ 2 chiếm tỷ lệ cao nhất là 71,01%, tiếp đến là tương tác mức độ 1 chiếm 15,94%, tương tác mức độ 3 chiếm 8,70%, không phát hiện tương tác mức độ 4.

IV. BÀN LUẬN

4.1 Đặc điểm mẫu nghiên cứu. Trong số 1.652 lượt người bệnh đến khám và điều trị ngoại trú mà nghiên cứu thu thập được, người bệnh giới tính nữ chiếm 56,96% vượt trội hơn so với giới tính nam là 43,04%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu trước đó của tác giả Trần Thị Thanh Tuyền tại Phòng Khám Đa Khoa Trường ĐHTV [7] năm 2019 với tỷ lệ người bệnh nam chiếm 41,90% và người bệnh nữ chiếm 58,10%. Độ tuổi của người bệnh trong mẫu nghiên cứu chủ yếu từ 15 đến 59 tuổi chiếm 54,66%, độ tuổi thấp nhất là 16 tháng tuổi và tuổi cao nhất là 96 tuổi.

Khảo sát ghi nhận có 4.386 lượt bệnh trên 1.652 đơn thuốc, trong đó, nhóm bệnh hệ tuần hoàn chiếm 21,82% đứng thứ nhất, tiếp theo đó là nhóm bệnh hệ tiêu hóa chiếm 21,09%.... Lần lượt đứng thứ 3 và thứ 4 là nhóm bệnh nội tiết, dinh dưỡng – chuyển hóa (14,75%) và nhóm bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết (13,04%). Tuy nhiên, năm 2018 một nghiên cứu của tác giả Trần Thị Thanh Tuyền tại Phòng Khám Đa Khoa Trường ĐHTV, kết quả nghiên cứu thông kê cho thấy nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm bệnh hệ hô hấp chiếm tỷ lệ 21,30%, tiếp theo là nhóm bệnh hệ tuần hoàn chiếm 19,36% [7]. Mô hình bệnh tật đã có sự thay đổi. Người bệnh đến khám và điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Trường ĐHTV đa phần là điều trị bệnh mạn tính, do đó tỷ lệ chương bệnh tuần hoàn chiếm tỷ lệ tương đối cao.

Khảo sát số thuốc trung bình mỗi đơn là 4,3. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu tại Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long năm 2015 là 3,6 thuốc [2]. Bệnh viện Trường ĐHTV đã có sự can thiệp để điều chỉnh số lượng thuốc trong mỗi đơn, so với năm 2018 là 5,09 [7], số thuốc trung bình hiện tại đã giảm đáng kể. Điều này góp phần giảm các phản ứng bất lợi xảy ra khi kết hợp nhiều loại thuốc sẽ tăng theo cấp số nhân [5].

Theo khảo sát, hoạt chất được sử dụng nhiều

nhất là paracetamol chiếm tỷ lệ cao nhất 8,40%. Đây là thuốc giảm đau, hạ sốt được sử dụng rộng rãi và là chỉ định phù hợp để giảm triệu chứng của rất nhiều bệnh lý. Omeprazole chiếm 5,07%, tiếp theo là metformin chiếm tỷ lệ 4,91%. So sánh với mô hình bệnh tật, bệnh lý tuần hoàn chiếm tỷ lệ cao nhất nhưng tỷ lệ sử dụng hoạt chất không quá cao do số hoạt chất điều trị bệnh lý tim mạch tương đối nhiều, bác sĩ có nhiều lựa chọn khác nhau tùy thuộc từng người bệnh cụ thể. Tỷ lệ sử dụng thuốc nhóm tuần hoàn chiếm tỷ lệ cao nhất (18,09%), điều này hoàn toàn tương ứng với mô hình bệnh tật hiện tại tại bệnh viện. Mặt khác, omeprazol và metformin là những hoạt chất được lựa chọn ưu tiên trong điều trị các bệnh lý tiêu hoá (dạ dày) bệnh lý nội tiết (đái tháo đường) nên tỷ lệ sử dụng cao.

4.2 Khảo sát các tương tác xuất hiện trong đơn thuốc ngoại trú. Tra cứu tương tác thuốc bằng 3 cơ sở dữ liệu cho các kết quả về tỷ lệ tương tác khác nhau. Trang www.drugs.com phát hiện 49,09% đơn có tương tác, trang www.medscape.com phát hiện 43,64% và sách tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định của Bộ Y tế phát hiện 22,09%. Điều này thể hiện rõ việc xác định cặp tương tác có sự khác nhau giữa các nguồn tài liệu, trong đó sách tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định của Bộ Y tế là tài liệu cấp một đáng tin cậy nhưng do xuất bản năm 2015 nên tính cập nhật chưa cao. Để tạo sự thống nhất trong việc phát hiện và quản lý các tương tác thuốc xuất hiện trong đơn, cần có bộ cơ sở dữ liệu thống nhất, đáng tin cậy và tính cập nhật cao để các cơ sở khám chữa bệnh áp dụng vào tra cứu.

Hiện nay, Bệnh viện Trường ĐHTV đã tích hợp tra cứu tương tác thuốc vào phần mềm kê đơn của bệnh viện. Cơ sở dữ liệu tích hợp vẫn chưa được chuẩn hoá những cũng mang giá trị cung cấp thêm thông tin tham khảo cho các bác sĩ trong quá trình kê đơn. Theo kết quả tra cứu tương tác thuốc trên trang www.drugs.com, tỷ lệ tương tác mức độ nhẹ chiếm cao nhất 75,20%, các tương tác này có thể khắc phục bằng cách giãn cách thời gian sử dụng các thuốc. Ngoài ra còn nhiều cặp tương tác mức độ nặng 8,27% (theo www.drugs.com), mức độ serious, contraindicated chiếm 12,18% và 0,26% (www.medscape.com) và mức độ 3 8,70% (theo sách tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định của Bộ Y tế), những tương tác này đã được các bác sĩ cân nhắc giữa nguy cơ – lợi ích hay chưa kiểm soát được tương tác thuốc trong quá trình kê đơn vẫn cần nghiên cứu sâu hơn để tìm ra lý do và có hướng khắc phục.

V. KẾT LUẬN

5.1 Đặc điểm mẫu nghiên cứu. Trong số 1.652 mẫu nghiên cứu được thu thập, nhóm người bệnh là nữ chiếm 56,96%, nam là 43,04%. Nhóm tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là từ 15 đến 59 tuổi chiếm 54,66%. Bệnh lý của người bệnh đến khám khá đa dạng, chương bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là bệnh tuần hoàn 21,82%, và chương bệnh tiêu hoá 21,09%.

Số thuốc trung bình mỗi đơn là 4,30. Tỷ lệ sử dụng nhóm thuốc tuần hoàn cao nhất, chiếm 16,09%, tiếp theo là thuốc trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn, kháng virus, kháng nấm và thuốc đường tiêu hoá là 12,30% và 11,67%. Hoạt chất có tỷ lệ sử dụng nhiều nhất là paracetamol 8,40%, tiếp theo là omeprazol và metformin chiếm tỷ lệ 5,07% và 4,91%.

5.2 Khảo sát các tương tác xuất hiện trong đơn thuốc ngoại trú. Tra cứu tương tác thuốc qua 3 cơ sở dữ liệu cho các kết quả tỷ lệ tương tác khác nhau. Trang www.drugs.com phát hiện 49,09% đơn có tương tác, trang www.medscape.com phát hiện 43,64% và sách tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định của Bộ Y tế phát hiện 22,09%.

Tra cứu trang www.drugs.com, tỷ lệ tương tác là 49,09%, mức độ nhẹ chiếm cao nhất

75,20%. Theo www.medscape.com, tỷ lệ đơn có tương tác là 43,64%, tỷ lệ tương tác mức độ significant (có ý nghĩa) chiếm cao nhất là 70,21%. Tra cứu tương tác thuốc qua sách tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định phát hiện 22,09% đơn thuốc có tương tác thuốc, trong đó tương tác mức độ 2 chiếm tỷ lệ cao nhất là 71,01%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Y tế (2020)**, Nghị định 131/2020/NĐ-CP, Quy định về tổ chức, hoạt động dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
- Lê Thị Bé Năm (2015)**, Khảo sát tình hình kê đơn sử dụng thuốc điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Long.
- Nguyễn Thị Thái Hà (2019)**, Xây dựng danh mục tương tác thuốc đáng chú ý trong điều trị tại Trung tâm Y tế huyện Bình Lục- Hà Nam, Trường Đại học Dược Hà Nội, Hà Nội.
- Nguyễn Thúy Hằng (2016)**, Nghiên cứu xây dựng danh mục tương tác thuốc cần chú ý trong thực hành lâm sàng tại Bệnh viện Nhi Trung ương.
- Lê Ngọc Trọng, Đỗ Kháng Chiến (2015)**, Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định, NXB Y học, Hà Nội.
- Huỳnh Hiền Trung (2012)**, Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao chất lượng cung ứng thuốc tại Bệnh viện Nhân dân 115, Luận án Tiến sĩ Dược học.
- Trần Thị Thanh Tuyền (2018)**, Khảo sát tình hình sử dụng thuốc tại Phòng Khám Đa Khoa Trường Đại học Trà Vinh từ 03/2017 đến 02/2018.

THỰC TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO LIÊN TỤC CHO NHÂN VIÊN Y TẾ NGHIÊN CỨU TỔNG QUAN CÓ HỆ THỐNG, GIAI ĐOẠN 2010-2021

Trần Thị Lý¹, Lê Văn Nhân², Nguyễn Phi Hùng³, Trần Quốc Thắng⁴

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Đào tạo y khoa liên tục (Continuing Medical Education-CME) là quá trình nhân viên y tế (NVYT) không ngừng cập nhật những kiến thức và tiến bộ mới nhất trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, qua đó nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người bệnh và hệ thống y tế. **Mục tiêu:** Tổng hợp và phân tích thực trạng và các yếu tố liên quan đến công tác đào tạo liên tục (ĐTTL) cho NVYT. **Phương pháp:** Tổng quan tài liệu có hệ thống (Systematic review). **Kết quả:** Tìm kiếm và

phân tích 12 công trình nghiên cứu trong nước liên quan đến công tác ĐTTL cho NVYT. Kết quả cho thấy, các nghiên cứu về thực trạng ĐTTL cho NVYT được thực hiện tại nhiều cơ sở y tế khác nhau, trên nhiều đối tượng khác nhau. **Kết luận:** Nhu cầu tham gia ĐTTL của NVYT rất cao (trên 80%). Tỷ lệ NVYT được ĐTTL chưa cao (trung bình dưới 60%). Các yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động ĐTTL gồm: Sự quan tâm của lãnh đạo đơn vị; Chuẩn hóa chương trình, tài liệu đào tạo; Nghiệp vụ của giảng viên. Các yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động ĐTTL gồm: Thiếu cán bộ chuyên trách về ĐTTL; Kinh phí hạn chế; Quá tải với công việc; Hình thức đào tạo chưa đa dạng, chủ yếu giảng lý thuyết. **Từ khóa:** Đào tạo liên tục, nhân viên y tế, yếu tố liên quan

SUMMARY

SITUATION AND FACTORS RELATED TO CONTINUOUS TRAINING FOR HEALTH WORKERS SYSTEM OVERVIEW STUDY, PERIOD 2010-2021

¹Bệnh viện Phổi Trung ương

^{2,3}Đại học Văn Hiến

⁴Viện Sức khỏe cộng đồng

Chịu trách nhiệm chính: Trần Thị Lý

Email: ly13021984@gmail.com

Ngày nhận bài: 15.6.2022

Ngày phản biện khoa học: 10.8.2022

Ngày duyệt bài: 15.8.2022